TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-12-2025
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-HPT ngày 28/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đài T, sinh ngày 18/4/1990.

Số căn cước công dân 077190002592 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/01/2024.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 05/9/1993. Số căn cước công dân 077093008873 do Cục trưởng Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/11/2022. Đã cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6. Địa chỉ: Ấp P, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (Đã hoàn thành cai nghiện ngày 28/11/2025).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T có mặt; ông T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đài T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đài T và ông Nguyễn Hữu T1 qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu, bà T và ông T1 sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Ông T1 thường xuyên ăn chơi, không chăm lo cho vợ con. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

Về con chung: Bà T và ông Nguyễn Hữu T1 có 01 người con chung là cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018.

Bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018. Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình làm việc và hòa giải ngày 10/10/2025 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6. Địa chỉ: Ấp Phú Thiện, xã Hòa Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì ông T1 và bà T mới đi đến hôn nhân. Ông T1 và bà T đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, sống hạnh phúc đến năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 bị bệnh, không có thu nhập, gánh nặng cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, xung đột trong mọi chuyện. Ông T1 và bà T sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông T1 và bà Nguyễn Thị Đài T có 01 người con chung là cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1, tuy nhiên ông T1 vẫn còn tình cảm với bà T nên ông T1 không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Đài T.

Về con chung: Ông T1 và bà Nguyễn Thị Đài T có 01 người con chung là cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018.

Ông T1 có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018. Ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Đài T và ông Nguyễn Hữu T1 qua thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu, bà T và ông T1 sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do giữa vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Còn theo ông T1 thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 bị bệnh, không có thu nhập, gánh nặng cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, xung đột trong mọi chuyện. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1. Do đó cần xử cho bà T được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông Nguyễn Hữu T1 có 01 người con chung là cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018.

Bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018 thì cần xử cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 Khang.

Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông T1 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Đài T và ông Nguyễn Hữu T1 đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Ủy ban nhân dân xã Ngãi Giao, thành phố Hồ Chí Minh). Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu T1 là xã Bình Ba, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã Ngãi Giao, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Đài T và ông Nguyễn Hữu T1 qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà T và ông T1 sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do giữa vợ chồng không hợp nhau,

bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Ông T1 thường xuyên ăn chơi, không chăm lo cho vợ con. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, triệu tập ông T1 tham gia phiên tòa nhưng ông T1 không đến Tòa án.

Như vậy giữa bà T và ông T1 có nhiều mâu thuẫn. Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là phù hợp. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Nguyễn Thị Đài T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông Nguyễn Hữu T1 có 01 người con chung là cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018. Bà T và ông T1 đều có nguyện vọng nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay ông T1 là đối tượng nghiện ma túy không có công việc và thu nhập ổn định. Bà T có việc làm và thu nhập ổn định, mặt khác cháu Nguyễn T1 Khang còn nhỏ cần sự giáo dục, chăm sóc của người mẹ về mặt tâm sinh lý nên cần xử cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 Khang.

Bà T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:*

Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông T1 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*:

Bà T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp, bà T đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Đài T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Đài T và ông Nguyễn Hữu T1 có 01 người con chung là cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018.

Xử cho bà Nguyễn Thị Đài T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn T1 Khang, sinh ngày 11/12/2018.

Bà Nguyễn Thị Đài T không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hữu T1 được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông T1 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đài T phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên lai số 0022830 ngày 03/10/2025, bà T đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/12/2025), đương sự có quyền kháng cáo; đối với ông T1 vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực 14 - TP. HCM;
- THA DS TP. HCM;
- THADS khu vực 14 - TP. HCM;
- UBND xã Ngãi Giao, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan